

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/HS-PT

Ngày: 23/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hương.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Cảnh.

Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 84/2018/TLPT-HS ngày 20 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo Huỳnh Trần Linh N, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2018/HS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai.

Bị cáo có kháng cáo:

Huỳnh Trần Linh N, sinh năm 1973, tại huyện P, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh N, sinh năm 1941 và bà Trần Thị P, sinh năm 1941; có vợ: Đào Thị Thùy D, sinh năm: 1982 và 02 người con, lớn sinh năm 2002 - nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/7/2017 đến ngày 20/12/2017, được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ đầu năm 2011 đến cuối năm 2015, Huỳnh Trần Linh N là viên chức công tác tại Phòng Tài nguyên – Môi trường và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C, tỉnh Gia Lai, được phân công tham mưu cho Lãnh đạo trong công tác thẩm định hồ sơ, tổ chức đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì biết N làm công tác này thì có thể giúp làm được thủ tục chuyển nhượng, tách và cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên trong thời gian này có 08 hộ dân đã tìm gặp và nhờ N làm giúp trọn gói ngay từ các thủ tục ban đầu cho đến khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số tiền hai bên tự nguyện thỏa thuận nên N đã đồng ý, nhưng sau khi nhận được tiền do tiêu xài cá

nhân hết nên N không thực hiện được thỏa thuận rồi dùng thủ đoạn gian dối để nói dối các bị hại nhằm chiếm đoạt tiền của họ. Cụ thể các trường hợp như sau:

1. Đầu năm 2011, ông Nguyễn Hữu L (SN 1947, trú tại thôn Hòa S, xã Ia P, huyện C) muốn làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 02 lô đất rẫy tại thôn Hòa S, xã Ia P nên đến Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện C gặp N hỏi thủ tục để nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì N nói nếu có nhu cầu thì để N làm toàn bộ thủ tục từ đầu cho đến khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông L hỏi về số tiền chi phí thì N tính toán các khoản phí, thuế rồi nói hết khoảng 200.000.000 đồng nhưng phải đưa trước 50.000.000 đồng nên ông L đồng ý, sau đó ông L trực tiếp đến nhà N đưa cho N 47.000.000 đồng thì được N hẹn 02 tháng sau sẽ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khoảng 01 tháng sau N tiếp tục yêu cầu ông L đưa thêm 44.000.000 đồng để làm thủ tục tiếp theo thì ông L đã đưa đủ và N đưa hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L ký rồi hẹn 02 tháng sau sẽ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng sau khi nhận được tiền do tiêu xài cá nhân hết nên N không làm các thủ tục được. Đến hẹn không thấy N giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông L đã nhiều lần hỏi thì N lấy lý do không có giấy xác nhận tình trạng hôn nhân nhằm khát hẹn để chiếm đoạt số tiền đó (vì thực tế thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không cần giấy xác nhận này). Đến khoảng tháng 10/2015, N mới nói với ông L là không làm được và hứa sẽ trả lại tiền nhưng do đã tiêu xài hết không có khả năng trả lại tiền nên ông L làm đơn tố cáo thì N mới nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện C số tiền 91.000.000 đồng.

2. Đầu năm 2013, chị Phạm Thị Kim L (SN 1976, trú tại thôn T, xã I, huyện C) nhờ N làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối lô đất nông nghiệp tại T có diện tích 650m² trong đó chuyển đổi mục đích sử dụng đất ở 400m² thì đồng ý rồi tính toán số tiền phải nộp là 90.000.000 đồng. Khoảng một tháng sau chị L cùng chồng là anh Thái Lộc T đã gặp và giao đủ cho N 90.000.000 đồng cùng với hồ sơ cần thiết. Sau khi N hẹn ba tháng sau sẽ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị L, nhưng sau khi nhận được tiền N đã tiêu xài hết nên không thực hiện được thỏa thuận với chị L, đến hẹn chị L nhiều lần yêu cầu N thực hiện hoặc trả lại tiền, nhưng N không có khả năng trả lại tiền nên hướng dẫn chị L làm sai hồ sơ nhằm kéo dài thời gian để chiếm đoạt số tiền đó.

3. Khoảng tháng 12/2013, chị Nguyễn Thị Ngọc T (SN 1962, trú tại thôn T, xã I) đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C nhờ N làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với lô đất chị đã mua của ông Nay YD tại thôn P, thị trấn N thì N đồng ý làm giúp. Chị T đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được UBND thị trấn N chứng thực và hỏi hết bao nhiêu tiền, nhưng vì quen biết nên N nói chỉ làm giúp khi nào có thông báo thuế thì báo cho bà T đi nộp. Một tuần sau N báo cho chị T đem 1.750.000 đồng để nộp thuế và hẹn 02 tháng sau sẽ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận tiền N đã tiêu xài hết mà không nộp các khoản tiền thuế, khi chị T hỏi thì N nói dối do trục trặc đất ở nên chưa làm được.

4. Đầu năm 2014, anh Võ Trọng T, Nguyễn Văn P, Đinh Xuân H và Lê Kiên T nhờ N làm thủ tục tách quyền sử dụng đất 15.000m² tại thôn T, xã I, huyện C do anh T đứng tên đăng ký quyền sử dụng đất ra thành 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T, anh P, anh H và anh T, N tự tính toán hết số tiền 70.000.000 đồng, thì anh T, anh P, anh H và anh T đồng ý. Khoảng giữa tháng 4/2014 anh T và anh P hẹn gặp và đưa cho N 30.000.000 đồng cùng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 684810 mang tên anh T, khoảng một tuần sau thì anh T và anh P đưa tiếp cho N 40.000.000 đồng thì N hẹn 02 tháng sau sẽ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận tiền N đã đưa bộ hồ sơ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh T, anh P, anh H và anh T ký, nhưng không làm các thủ tục tiếp theo mà sử dụng số tiền 70.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

5. Tháng 8/2015, anh Nguyễn Văn T (SN 1988, trú tại thôn T, xã I) nhờ N làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất đối với lô đất nông nghiệp tại thôn T, xã I có diện tích 4.222m² và chuyển đổi mục đích sử dụng 100m² đất ở từ bố mẹ anh T là ông Nguyễn Văn B và bà Bùi Thị H sang tên anh T thì được N đồng ý và tính toán các khoản tiền phải đưa cho N là 18.000.000 đồng, anh T đồng ý sau đó đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông B và bà H cùng với số tiền 6.000.000 đồng cho N thì N hẹn 03 tháng sau làm xong thủ tục. Sau khi nhận tiền N đưa hồ sơ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho anh T ký. Đến khoảng tháng 3/2016 N nói với anh T là đã làm xong thủ tục sang tên và yêu cầu đưa thêm 12.000.000 đồng để làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thì anh T đưa tiếp cho N 12.500.000 đồng, (trong đó 500.000 đồng anh T nói cho N đổ xăng đi lại làm thủ tục). N hẹn 01 tháng sau sẽ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T, nhưng thực tế sau khi nhận tiền N không làm các thủ tục tiếp theo mà sử dụng toàn bộ số tiền đó tiêu xài cá nhân hết.

Như vậy, trong thời gian từ đầu năm 2011 đến tháng 8 năm 2015 Huỳnh Trần Linh N đã tự nguyện thỏa thuận với 08 hộ dân để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho họ, theo đó hai bên tự thỏa thuận N chịu trách nhiệm tất cả các thủ tục từ đầu cho đến khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các hộ dân phải đưa cho N số tiền cụ thể, nhằm mục đích khi N làm thủ tục sẽ được hưởng tiền chênh lệch trong đó. Trong thời gian này N đã nhận của 08 hộ dân tổng số tiền 271.250.000 đồng, nhưng sau khi nhận được tiền thì N đã tiêu xài cá nhân hết rồi lấy nhiều lý do khác hẹn nhằm chiếm đoạt số tiền đó.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 23/2018/HS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Trần Linh N phạm tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Trần Linh N 60 (Sáu mươi) tháng tù, được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/7/2017 đến ngày 20/12/2017. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/7/2018, bị cáo Huỳnh Trần Linh N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên kháng cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định: Từ đầu năm 2011 đến cuối năm 2015, Huỳnh Trần Linh N là viên chức công tác tại Phòng Tài nguyên - Môi trường và Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Gia Lai, được phân công nhiệm vụ tham mưu cho lãnh đạo trong công tác thẩm định, tổ chức đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, 08 hộ dân gồm ông Nguyễn Hữu L, chị Phạm Thị Kim L, chị Nguyễn Thị Ngọc T, anh Võ Trọng T, anh Nguyễn Văn P, anh Đinh Xuân H, anh Lê Kiên T, anh Nguyễn Văn T đã gặp N và thỏa thuận, đưa tiền để N chịu trách nhiệm làm các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lợi dụng sự tin tưởng của 08 hộ dân nêu trên đối với công việc của mình, N đã nhận tổng số tiền là 271.250.000 đồng, sau khi nhận tiền N không thực hiện công việc như đã thỏa thuận mà đã sử dụng số tiền trên để tiêu xài cá nhân rồi lấy nhiều lý do khát hẹn nhằm chiếm đoạt số tiền trên. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Huỳnh Trần Linh N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và là viên chức nhà nước, bản thân bị cáo biết việc lợi dụng lòng tin của các hộ dân để chiếm đoạt tài sản của họ là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tiêu xài cá nhân mà bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện và tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có

tiền án, tiền sự, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuy nhiên, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự này đối với bị cáo là thiếu sót, vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm sẽ áp dụng tình tiết tăng nặng này đối với bị cáo. Mặc dù, Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót khi không áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” đối với bị cáo, nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng, mức hình phạt 60 tháng tù giam mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo có giao nộp cho Tòa án bản sao có chứng thực các giấy khen trong quá trình công tác, tuy nhiên đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[3] Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 135, 136, điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Trần Linh N. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 23/2018/HS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Trần Linh N phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 3 Điều 175 ; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Trần Linh N 60 (Sáu mươi) tháng tù, được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/7/2017 đến ngày 20/12/2017. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Buộc bị cáo Huỳnh Trần Linh N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, THS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Hương